

Số: /KH-UBND

Sơn Dương, ngày tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030
trên địa bàn huyện Sơn Dương, giai đoạn 2020 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 20/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;

Thực hiện Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030,

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ TRONG THỜI GIAN QUA

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Quy mô dân số và mức sinh

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*”; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”. Công tác dân số huyện Sơn Dương đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; tỷ lệ tăng dân số trung bình hằng năm từ 10 đến 12‰; tỷ lệ giảm sinh bình quân hằng năm từ 0,1‰ đến 0,3‰. Ước tính quy mô dân số của huyện Sơn Dương đạt 217.458 người vào năm 2025.

2. Cơ cấu dân số

- Cơ cấu dân số đã thay đổi tích cực, số lượng và tỷ trọng dân số phụ thuộc giảm, dân số trong độ tuổi lao động tăng nhanh. Dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) năm 2019 là 63,9% so với dân số toàn huyện.

- Tỷ trọng việc làm theo ngành có sự dịch chuyển tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc trong các khu, cụm công nghiệp của huyện tăng lên đáng kể.

3. Chất lượng dân số

- Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt; tỷ lệ trẻ sơ sinh sinh ra có trọng lượng dưới 2500 gram giảm từ 3,1% năm 2010 xuống còn 2,01% năm 2020; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng thể gầy còm (cân nặng/tuổi) từ 18,5% năm 2010, xuống còn 13,6% năm 2020; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) từ 32,4% năm 2010 giảm xuống còn 22,4% năm 2020; tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi (IMR) hiện còn 0,91‰; tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi (U5MR) 0,27‰; tỷ số tử vong bà mẹ (MMR) trong 5 năm gần đây là 0‰.

- Mạng lưới tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh được mở rộng và triển khai thực hiện trên 70% tổng số xã trong huyện. Tuổi thọ trung bình của người dân được nâng lên rõ rệt, năm 2020 là 73 tuổi.

- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 94,6% (năm 2020); tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi đạt 100%; tỷ lệ người cao tuổi được cấp thẻ BHYT đạt 100%.

4. Công tác tuyên truyền, giáo dục dân số

- Công tác truyền thông giáo dục được triển khai sâu rộng, thường xuyên ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, cộng đồng, từng hộ gia đình và đến từng đối tượng.

- Nội dung truyền thông đa dạng, sinh động, dễ hiểu được thực hiện tại các buổi nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ; các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường THCS, THPT, các buổi họp thôn, tổ dân phố tại cộng đồng.

- 100% cán bộ chuyên trách dân số xã, thị trấn đều có trình độ chuyên môn trung cấp y trở lên và được đào tạo chuẩn viên chức cấp xã; 100% cộng tác viên dân số kiêm y tế thôn bản; đây là đội ngũ tiên phong ở cơ sở “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng*” tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ).

- Tăng cường thời lượng phát sóng chuyên mục, chuyên trang trên Cổng thông tin điện tử của huyện, Đài Truyền thanh - Truyền hình và hệ thống loa truyền thanh cơ sở, kết hợp cùng các sản phẩm truyền thông như panô, áp phích, tờ rơi, băng zôn tuyên truyền... trong các buổi phát động chiến dịch, các buổi lễ ra quân, mít tinh, cổ động, đã lan tỏa thấm sâu vào cộng đồng xã hội.

5. Dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

- Mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ được mở rộng, phương thức cung cấp dịch vụ KHHGĐ cũng được đổi mới. Đến nay 100% trạm Y tế xã có thể đáp

ứng đầy đủ về cung cấp dịch vụ KHHGD, giúp người dân thuận tiện trong việc lựa chọn các phương tiện tránh thai (PTTT).

- Các sản phẩm PTTT đa dạng hóa trên cả 2 kênh: Miễn phí và tiếp thị xã hội, phù hợp với nhu cầu và đối tượng ở từng vùng.

- Dịch vụ nâng cao chất lượng dân số đã được chú trọng như các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm các bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại cộng đồng đã và đang hoạt động có hiệu quả và để lại những dấu ấn cho ngành y tế trong những năm qua.

6. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

- Về cơ bản công tác tổ chức sắp xếp, tinh gọn bộ máy sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD, Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa huyện gộp vào thực hiện “*một bộ máy hai chức năng*” đã hoàn chỉnh và đi vào hoạt động nề nếp.

- Các hoạt động về công tác Dân số - KHHGD đã được quản lý chung trong chương trình mục tiêu Y tế - Dân số có trọng tâm, trọng điểm. Dịch vụ KHHGD đã từng bước xã hội hóa chi phí để người dân có nhu cầu tự nguyện chi trả.

II. TÒN TẠI HẠN CHẾ

1. Quy mô dân số và mức sinh

Mặc dù, hàng năm đều đưa ra các chỉ tiêu về giảm sinh ở mức 0,2‰, tuy nhiên, tổng tỷ suất sinh (TFR) chưa ổn định có năm vẫn ở mức cao; tỷ suất sinh thô giảm nhưng không bền vững giữa các năm; tỷ số giới tính khi sinh tăng, giảm không ổn định dao động từ 108 - 116 bé trai/100 bé gái; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cũng có dấu hiệu gia tăng (năm 2020 là 20%).

2. Chất lượng dân số

- Trong thời gian qua chỉ tập trung giải quyết căn bản vấn đề giảm sinh thông qua việc tăng số lượng các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai mà chưa quan tâm nhiều đến các khía cạnh khác của dân số như: Cơ cấu và chất lượng dân số, ý thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản, lây truyền qua đường tình...; mặt khác phần đông dân số là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ làm nông nghiệp nên tỷ lệ mắc các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản còn khá cao.

- Tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em sơ sinh, trẻ dưới 5 tuổi và tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi vẫn còn chênh lệch giữa các xã, vẫn còn trẻ sinh ra bị khuyết tật, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn còn tồn tại ở một số xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh được tiếp cận sàng lọc trước sinh và sơ sinh chưa cao, hiện mới chỉ đạt 70% số xã trên địa bàn huyện.

- Tầm vóc, thể lực và sức bền của người dân chậm được cải thiện; tuổi thọ bình quân tăng nhưng số năm trung bình sống khỏe mạnh chỉ đạt 63 tuổi. Người

cao tuổi mắc nhiều bệnh như tiểu đường, tim mạch, huyết áp đặc biệt tỷ lệ người mắc bệnh ung thư đang chiếm tỷ lệ rất cao.

3. Công tác truyền thông, giáo dục dân số

- Hiệu quả truyền thông chưa đồng đều giữa các khu vực và đối tượng; nhận thức về bình đẳng giới trong một bộ phận người dân còn chưa đúng; tư tưởng trọng nam hơn nữ ở nhiều vùng vẫn còn phổ biến.

- Truyền thông giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em hiệu quả chưa cao; giáo dục giới tính chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho giới trẻ.

- Nội dung truyền thông mới chỉ tập trung vào KHHGD, chưa chú ý đến các yếu tố dân số và phát triển. Thời gian gần đây công tác truyền thông về dân số có sự suy giảm cả về cường độ và hiệu quả do kinh phí bị cắt giảm nhiều.

- Phương thức truyền thông cần thay đổi theo hướng sử dụng công nghệ 4.0 để phát huy hiệu quả công tác truyền thông và phù hợp với sự tiếp cận của giới trẻ.

4. Dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

Hiện nay đa số người dân vẫn còn nặng về tư tưởng “bao cấp” trong việc cung cấp các phương tiện tránh thai và thực hiện dịch vụ KHHGD; do vậy, thiếu cơ chế thúc đẩy thị trường dịch vụ phát triển, làm giảm khả năng cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ KHHGD.

5. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

- Tổ chức bộ máy làm công tác Dân số - KHHGD thường xuyên biến động và có nhiều thay đổi gây xáo trộn không nhỏ về tư tưởng cho một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức.

- Đội ngũ công tác viên dân số chủ yếu mới được đào tạo tập huấn các nội dung kiến thức về Dân số - KHHGD, chưa được đào tạo, cập nhật kiến thức về dân số và phát triển; mặt khác, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ này còn rất thấp.

III. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đúng và đầy đủ về tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp, tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác Dân số-KHHGD do đó, lãnh đạo, chỉ đạo chưa quyết liệt, chưa hiệu quả.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn tư tưởng trọng nam khinh nữ, dẫn đến tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vẫn ở mức cao.

- Số phụ nữ bước vào độ tuổi sinh đẻ hàng năm đều tăng, đặc biệt là nhóm phụ nữ 20 - 30 tuổi chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến mức sinh cao ở một số vùng.

- Mô hình tổ chức bộ máy ngành y tế, dân số tuyến huyện trong những năm qua thường xuyên có sự thay đổi ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, viên chức làm công tác y tế, dân số - KHHGD.

Phần thứ hai: NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất và tinh thần đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của huyện, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Mục tiêu 1: Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng:

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (*bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con*), quy mô dân số khoảng 207.103 người năm 2020, dự báo đến năm 2025 là 217.458 người.

- Duy trì mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm: 0,2‰.

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số:

- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 9‰ (*đối với dân tộc thiểu số xuống dưới 14‰*); giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 11‰ (*đối với dân tộc thiểu số xuống dưới 15‰*).

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 20%.

Mục tiêu 3: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý:

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 20%, tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%.

Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần, tạo nền tảng cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%.

- Giảm 50% số cặp tạo hôn; không có hôn nhân cận huyết thống.

- 60% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- 60% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đạt 78%.

- Tuổi thọ bình quân đạt 74 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 66 năm.

- Chiều cao từ đủ 18 tuổi đối với nam đạt 167cm, nữ đạt 156 cm.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) tương đương mức bình quân chung của cả nước.

Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất, dùng chung trên quy mô toàn quốc.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến dân số trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 100% các ngành, các lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của huyện nhanh, bền vững:

- Tiếp tục thực hiện, hướng đến mục tiêu cao hơn các kế hoạch, chương trình về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, chương trình về những lĩnh vực nêu trên với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm... cho giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án chăm sóc sức khỏe (*bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...*) hiện có. Nghiên cứu xây dựng các kế hoạch, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Ít nhất có 50% xã, thị trấn đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- 100% cơ sở y tế tuyến huyện có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm.

- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế; được quản lý sức khỏe, được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế; được chăm sóc tại gia đình và cộng đồng.

(Chỉ tiêu cụ thể có biểu chi tiết kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy,

chính quyền là giải pháp tiên quyết. Truyền thông, vận động và cung cấp các dịch vụ là giải pháp cơ bản. Các giải pháp điều kiện là ổn định và đảm bảo tài chính.

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đối với công tác Dân số - KHHGD, tạo sự đồng thuận cao và ủng hộ của người dân về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Lồng ghép mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung kế hoạch, chương trình hành động, các dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành, phân công nhiệm vụ, thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn huyện. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát thực hiện công tác dân số.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của từng đơn vị, địa phương. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức mạnh lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình dân số cho các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội để phối hợp tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch số 173-KH/TU ngày 06/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI), Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW. Tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của toàn bộ hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân đối với việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Nội dung và mục tiêu của công tác dân số bao gồm toàn diện cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số.

- Thực hiện có hiệu quả mục tiêu duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với thực trạng mức sinh của từng vùng, từng đối tượng theo hướng sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp; duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn huyện.

- Chú trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ dân số, y tế; chấm dứt tình trạng lợi dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Nâng cao nhận thức về tác hại, hệ lụy của việc tảo hôn và kết hôn cận huyết thống, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Vận động tạo phong trào cho mọi người dân thường xuyên tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng để lôi cuốn đông đảo các tầng lớp Nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia.

- Vận động và phát huy vai trò của Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Bí thư chi bộ, những người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền; lồng ghép các nội dung dân số và phát triển vào các buổi sinh hoạt cộng đồng, xây dựng hương ước, quy ước của thôn xóm, tổ dân phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản, mất cân bằng giới tính khi sinh, giới và giới tính; phối hợp với các nhà trường đưa nội dung dân số và sức khỏe sinh sản vào chương trình giảng dạy chính thức trong nhà trường phù hợp theo từng độ tuổi.

- Đổi mới phương pháp truyền thông giúp cho người dân có điều kiện tiếp cận với thông tin, nâng cao kiến thức và hiểu biết về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGD).

- Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, loa truyền thanh xã; đặc biệt nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, công tác viên dân số và y tế thôn bản.

3. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

- củng cố mạng lưới cung cấp các dịch vụ KHHGD, đảm bảo 100% cơ sở y tế trong huyện có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi làm việc và thực hiện được thủ thuật dịch vụ CSSKSS/KHHGD; đảm bảo trang thiết bị, phương tiện tránh thai đạt chuẩn phục vụ dịch vụ kỹ thuật.

- Duy trì và nâng cao năng lực mạng lưới cung cấp các biện pháp tránh thai tại cộng đồng. Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho cán bộ cung cấp dịch vụ KHHGD và kỹ năng tư vấn tránh

thai, các biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số - y tế thôn bản, tổ dân phố.

- Đẩy mạnh tiếp thị xã hội, xã hội hóa các phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD. Xây dựng và triển khai các mô hình xã hội hóa hỗ trợ, huy động các cơ sở y tế tư nhân cung cấp dịch vụ và tư vấn về SKSS/KHHGD, giúp người dân có cơ hội lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp.

- Triển khai dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân:

- + Nâng cao chất lượng hoạt động các câu lạc bộ tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, mở rộng tại 31 xã, thị trấn trong huyện.

- + Cung cấp kiến thức, kỹ năng tư vấn các biện pháp phát hiện, phòng tránh sinh con bị dị tật, khuyết tật và nguy cơ vô sinh cho thanh niên, vị thành niên. Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho vị thành niên về tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý theo từng lứa tuổi.

- + Nhân rộng mô hình nâng cao chất lượng dân số các dân tộc thiểu số, các mô hình can thiệp đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh: Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm soát dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh trong bào thai và trẻ sơ sinh cho người dân; thực hiện tốt việc tư vấn tại cộng đồng cho bà mẹ mang thai và sản phụ tại các cơ sở y tế thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh. Mở rộng mạng lưới sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. Tổ chức khám sàng lọc miễn phí cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người sống tại các vùng có nguy cơ cao và chưa có thẻ bảo hiểm y tế được ưu tiên khám sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh. Đồng thời phối hợp mở rộng thực hiện chương trình xã hội hóa sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các đối tượng không thuộc diện ưu tiên; quản lý tốt đối tượng trước, trong và sau khi sàng lọc.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Thực hiện tư vấn, khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi tại trạm Y tế xã, thị trấn và nơi cư trú (đối với những người cô đơn, bị bệnh nặng, không đi lại được). Nhân rộng mô hình câu lạc bộ người cao tuổi, đẩy mạnh phong trào tập thể dục, thể thao rèn luyện nâng cao sức khỏe và tư vấn chế độ dinh dưỡng phù hợp cho người cao tuổi. Tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên y tế thôn bản. Định kỳ kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

- Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình hành động, các dự án, đề án của huyện; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền đánh giá chính xác, hiệu quả việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, nhận chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai, tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức

năng và chăm sóc người cao tuổi.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư nhằm chia sẻ dữ liệu có sẵn về dân cư, đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội.

- Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin thông kê đầu vào gắn với đội ngũ cộng tác viên dân số thôn, bản. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, thẩm định thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành dân số.

- Duy trì, vận hành hệ thống kho dữ liệu điện tử của huyện; củng cố, phát triển các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm tin học hóa hệ thống trên cơ sở kế thừa và phát triển hạ tầng công nghệ có sẵn.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

- Thực hiện phân bổ kinh phí công khai, có định mức rõ ràng, tập trung cho cơ sở, phù hợp với từng vùng, từng đối tượng. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác dân số.

- Nguồn lực thực hiện Chiến lược Dân số đến năm 2030 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo Luật Ngân sách nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động cân đối ngân sách trong khuôn khổ dự toán kinh phí được giao hàng năm theo hướng dẫn của Sở Tài chính và Sở Y tế; huy động các nguồn lực hợp pháp khác đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

- Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số từ huyện đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số là những người được nhân dân tín nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng ở thôn, xóm, tổ dân phố. Thực hiện đầy đủ chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, phối hợp liên ngành về công tác dân số tại các cấp; xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công trách nhiệm, tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên phối hợp liên ngành trên nguyên tắc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số từ huyện đến thôn, tổ dân phố; đặc biệt cần đổi mới nội dung, kiến thức, kỹ năng về dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số để có đủ năng lực tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện các hoạt động công tác dân số đạt hiệu quả cao nhất.

III. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch thuộc nguồn kinh phí chương trình mục tiêu y tế, dân số được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho ngành y tế hàng năm. Trung tâm Y tế huyện chịu trách nhiệm đảm bảo kinh phí thực hiện theo chỉ đạo của Sở Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian, phạm vi thực hiện

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 - 2025.
- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn huyện Sơn Dương.

2. Các chương trình, đề án triển khai thực hiện

- Chương trình mục tiêu Dân số và Phát triển giai đoạn 2021 - 2025.
- Dự án theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế giai đoạn 2020 - 2025.
- Đề án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD giai đoạn 2020 - 2025.
- Đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản giai đoạn 2021 - 2025.
- Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đoạn 2018 - 2025.
- Đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh” giai đoạn 2016 - 2025.
- Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021 - 2025.
- Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030.
- Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh giai đoạn 2021 - 2025.
- Đề án bảo vệ và phát triển nâng cao chất lượng dân số các dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025.

3. Trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị

3.1. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn huyện; điều phối các hoạt động của chương trình dân số - y tế; hướng dẫn kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo theo quy định.

- Tham mưu kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy làm công tác dân số từ huyện đến cơ sở; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác Dân số - KHHGD tuyến huyện, xã và nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Y tế; phù hợp với nội dung hoạt động cụ thể của Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

3.2. Phòng Y tế huyện

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Tăng cường phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả theo quy định.

3.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đưa các mục tiêu về Dân số và Phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện.

- Hằng năm, kiểm tra dự toán chi tiết nguồn kinh phí được giao, cân đối bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

3.4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì thực hiện các nội dung về giáo dục Dân số và Phát triển, giới và bình đẳng giới trong nhà trường; lồng ghép, phổ biến các nội dung Dân số và Phát triển vào quy hoạch, kế hoạch phát triển chung của ngành.

3.5. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn “*Cơ cấu dân số vàng*”; lồng ghép nội dung giáo dục nghề nghiệp với Dân số và Phát triển; thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

3.6. Phòng Văn hóa & Thông tin; Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao tầm vóc và thể lực; phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình gắn với các thiết chế văn hóa nhằm hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

- Chủ trì thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục về Dân số và Phát triển. Tổ chức kiểm tra liên ngành các cơ sở xuất bản và phát hành sách, ấn phẩm, tài liệu, ngăn chặn việc tuyên truyền, phổ biến phương pháp lựa chọn giới tính thai nhi.

- Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số trong các chương trình phóng sự, chuyên trang, chuyên mục của Cổng thông tin điện tử và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện.

3.7. Phòng Dân tộc

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số đặc biệt là dân tộc ít người trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 25/9/2015 của Ủy ban nhân tỉnh thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025.

3.8. Chi cục Thống kê huyện

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế huyện thu thập, tổng hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu về dân số làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.9. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

Phối hợp với các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị và các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động về công tác Dân số và Phát triển, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của huyện tại cơ sở.

3.10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của huyện, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tích cực huy động, cân đối nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện công tác dân số của địa phương. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2020 - 2025. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTr Huyện uỷ, HĐND huyện (Báo cáo);
- Sở Y tế;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, Phó VP HĐND & UBND huyện;
- Thành viên BCĐ công tác DS-KHHGD huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chuyên viên THVX;
- Lưu: VT, YT, (b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Nhị Bình